

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký
2. Ông Lê Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Phú L, xã Hòa Th, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần N, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Chánh N, xã Xuân Th, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (bà H) trình bày: Bà H, ông N tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ 1, thị xã Sông Cầu ngày 30/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà xây dựng cuộc sống

vợ chồng tại tỉnh Bình Dương trong khoảng thời gian 03 năm thì đến năm 2017, vợ chồng bà về chung sống cùng cha mẹ đẻ của bà tại thôn Phú Lộc, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa. Năm 2018, vợ chồng bà về sống cùng cha mẹ chồng tại thôn Chánh Nam, xã Xuân Thọ 1, thị xã Sông Cầu; đến tháng 3/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở huyện Phú Hòa sống từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, ông N thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà ngoại tình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà nhiều lần khuyên ông N nhưng ông N không thay đổi. Sau khi bà bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống, ông N đưa con chung Trần Phi Hbỏ đi biệt tích khỏi địa phương, đi đâu, làm gì bà không rõ, vợ chồng bỏ mặc nhau, sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông N, vợ chồng cũng đã bỏ mặc nhau nên bà yêu cầu được ly hôn ông N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phi H– sinh ngày 10/6/2013. Ông N đã đưa con chung cùng bỏ đi khỏi địa phương, làm gì, sống ở đâu bà không rõ nên ly hôn, bà giao con chung cho ông N nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo sổ hộ khẩu, ông N còn có 01 người con riêng tên Trần Thị Ngọc T– sinh ngày 22/6/2001. Đây là con riêng của ông N, không phải con chung của bà và ông N. Hiện nay cháu đã lớn, tự lập lo cuộc sống bản thân nên bà không có nghĩa vụ đối với cháu Thẩm.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Trần N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với ông Trần N theo Quyết định số 03/2019/QĐ-GQVDS ngày 25/10/2019 theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Giao con chung Trần Phi Hcho ông Trần N

nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Tòa không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Trần N có hộ khẩu thường trú tại Thôn Chánh N, xã Xuân Th, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H, ông Trần N có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thọ 1 ngày 30/9/2013 đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn bà H trình bày, quá trình chung sống, đến tháng 3/2018 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, ông Trần N thường xuyên ghen tuông vô cớ, nghi ngờ bà ngoại tình, vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng bà bỏ mặc nhau, sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, bà đã bỏ về sống cùng cha mẹ ruột tại huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, còn ông Trần N đưa con chung Trần Phi H bỏ đi biệt tích khỏi địa phương. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu đã tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú theo Quyết định số 03/2019/QĐ-GQVDS ngày 25/10/2019 theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Mặt khác, theo thông tin do chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của ông Trần N cung cấp thì hiện tại, ông Trần N và cháu Trần Phi H không có mặt tại địa phương. Do đó, thấy rằng vợ chồng bà H, ông Trần N đã bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau như lời bà H trình bày là có căn cứ; xét mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông Trần N không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà H.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Trần Phi H – sinh ngày 10/6/2013. Theo lời bà H trình bày, từ thời điểm vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, ông Trần N đã đưa cháu Trần Phi H bỏ đi khỏi địa phương, làm gì, sống ở đâu bà H không rõ. Theo thông tin do chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của ông Trần N cung cấp thì hiện tại, ông Trần N và cháu Trần Phi H không có mặt tại địa phương và Hội đồng xét xử cũng không lấy được lời khai của cháu Học. Xét

hoàn cảnh thực tế của các bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Trần Phi H cho ông Trần N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp ông Trần N có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo sổ hộ khẩu, ông Trần N còn có 01 người con riêng tên Trần Thị Ngọc T- sinh ngày 22/6/2001. Bà H xác nhận cháu Thẩm đủ 18 tuổi và không phải con chung của bà và ông Trần N, không có yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phi H- sinh ngày 10/6/2013 cho ông Trần N nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0004807 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA Tx. Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Thọ 1 (01);
- Ấn văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

